CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Cảng Sài Gòn

Ngày 30/09/2024	26,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.0%	**-6.1%**	**30.2%**

DT thuần
Q3/24
245
tỷ VNĐ
QoQ: ▼63.0| -20.3%
YoY: ▲ 11.0| 4.8%

LN thuần
Q3/24
23.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼82.6| -77.9%
YoY: ▼93.6| -80.0%

LN sau thuế
Q3/24
6.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼65.0| -90.8%
YoY: ▼87.6| -93.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
9.5%
YoY: +/-▼ 19.7%

ROE (TTM)
Q3/24
7.1%
YoY: +/-▼ 3.2%

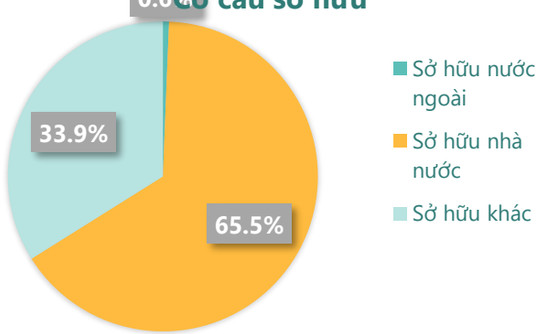
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,900 - 34,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,689
Số lượng CPLH (CP)	216,294,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)	87,640
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	2.63
EPS	917
P/E	28.7

DT thuần
9T 2024
814
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 141| 20.8%

LN thuần
9T 2024
192
tỷ VNĐ
YoY: ▼99.0| -34.1%

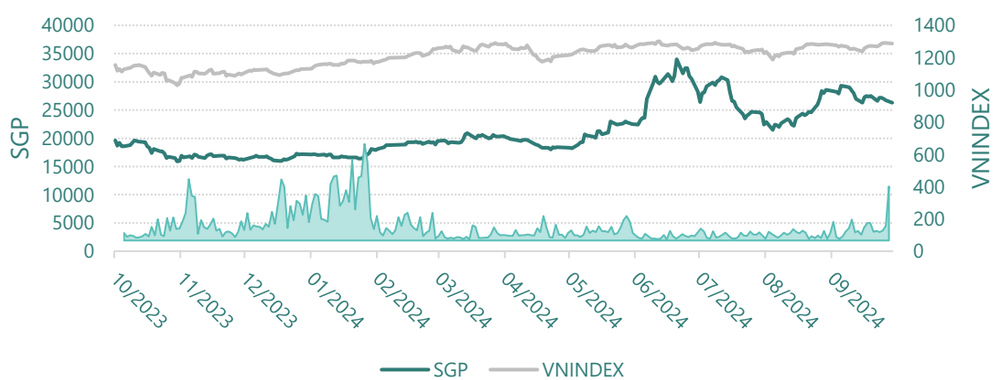
LN sau thuế
9T 2024
128
tỷ VNĐ
YoY: ▼99.0| -43.7%

Cơ cấu sở hữu

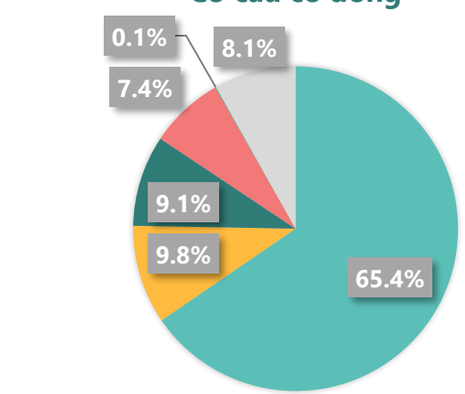


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



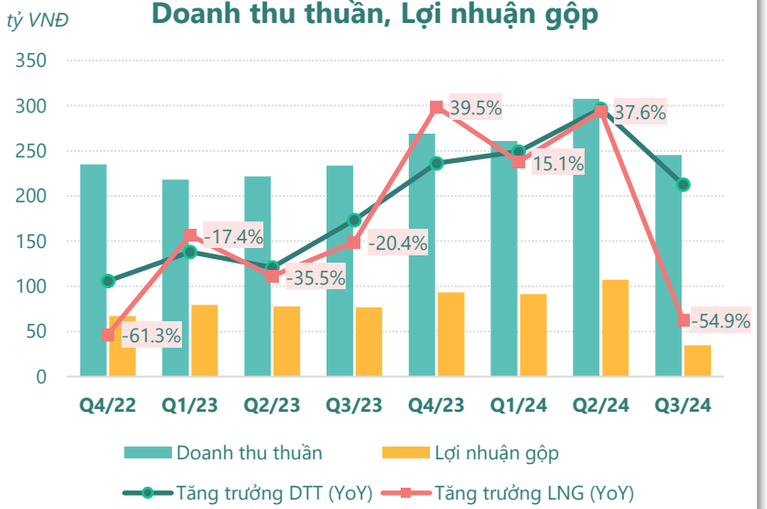
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

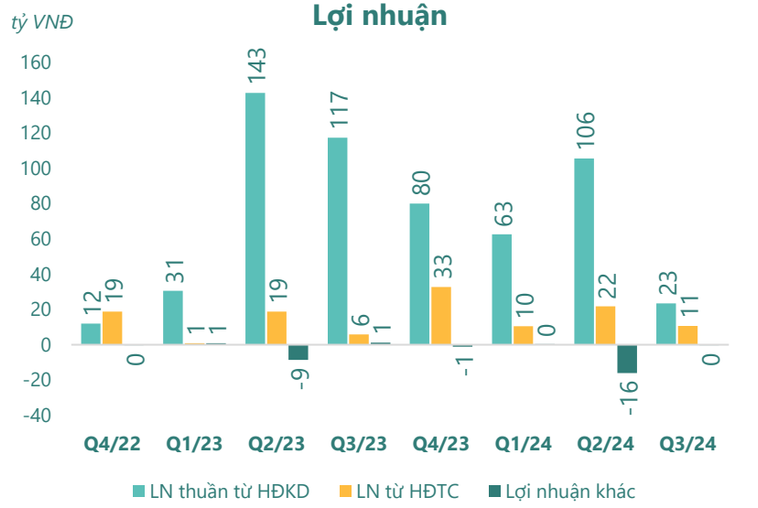
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



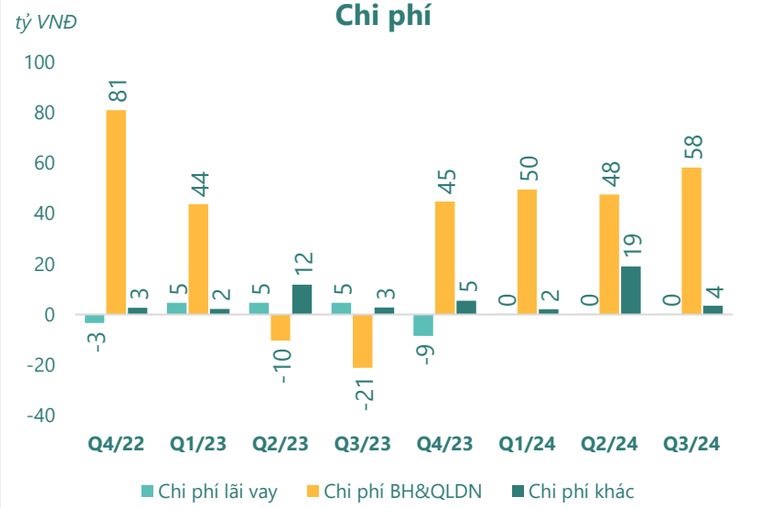
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



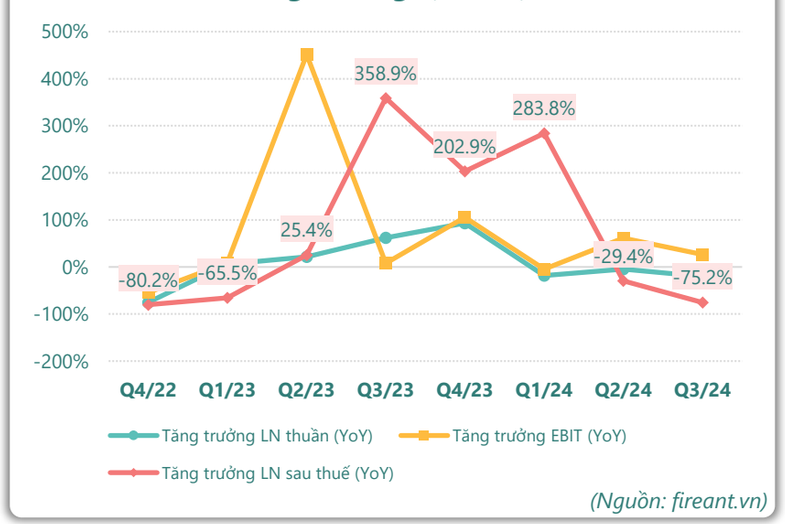
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



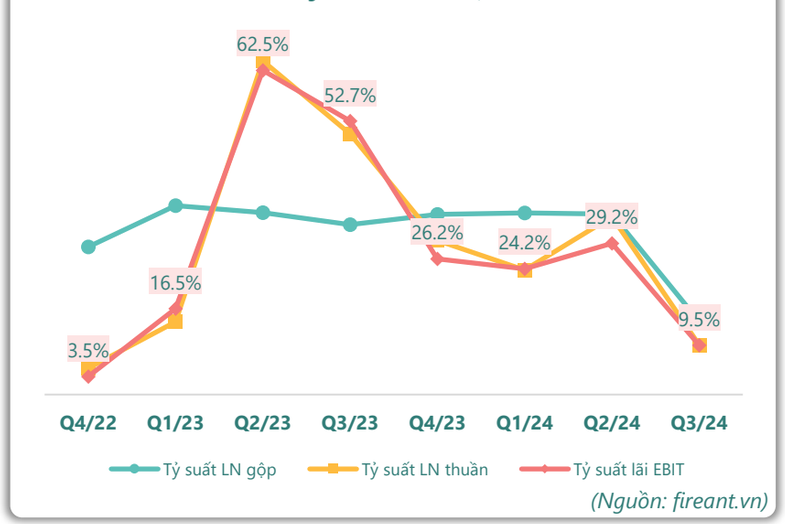
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



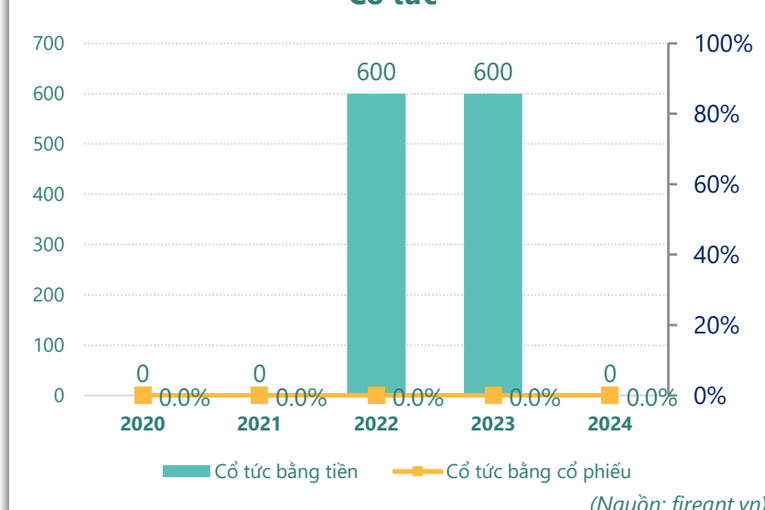
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

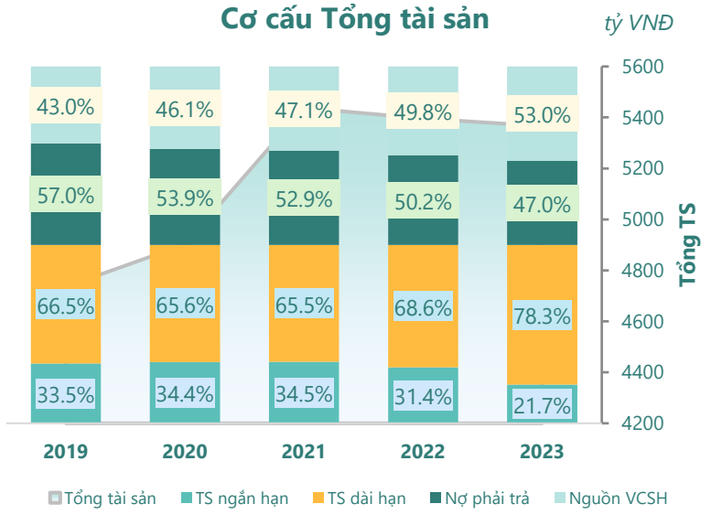
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

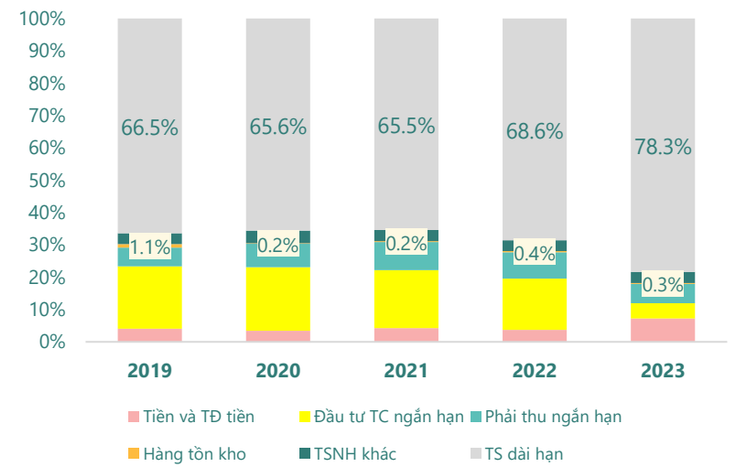
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



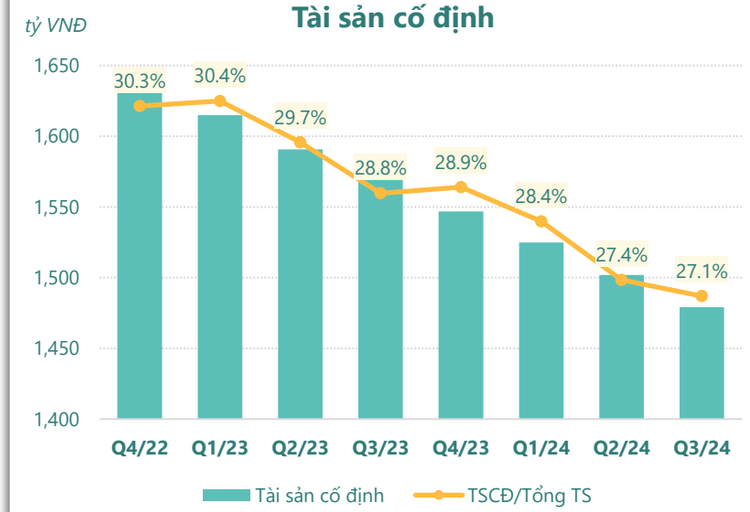
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



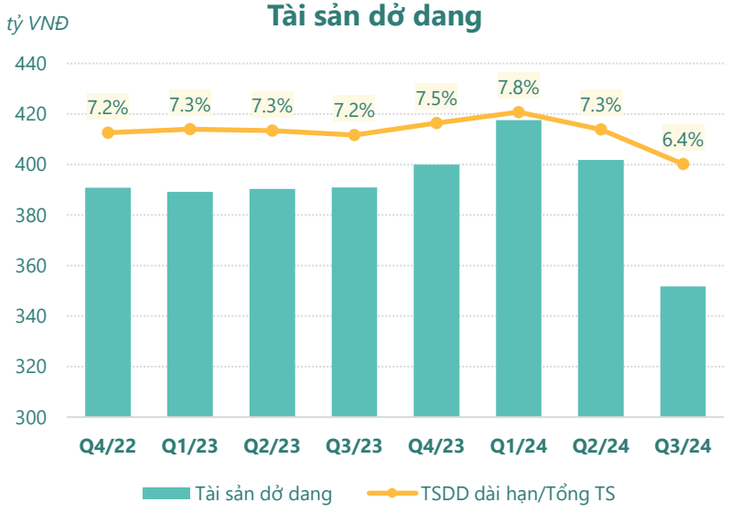
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



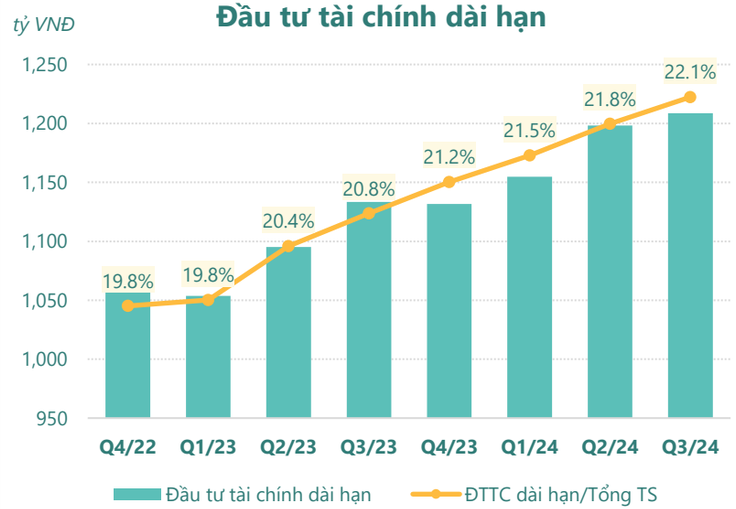
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



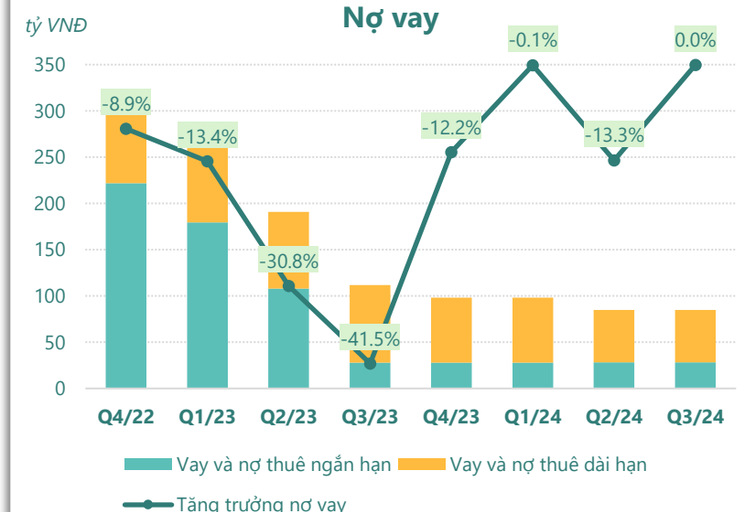
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

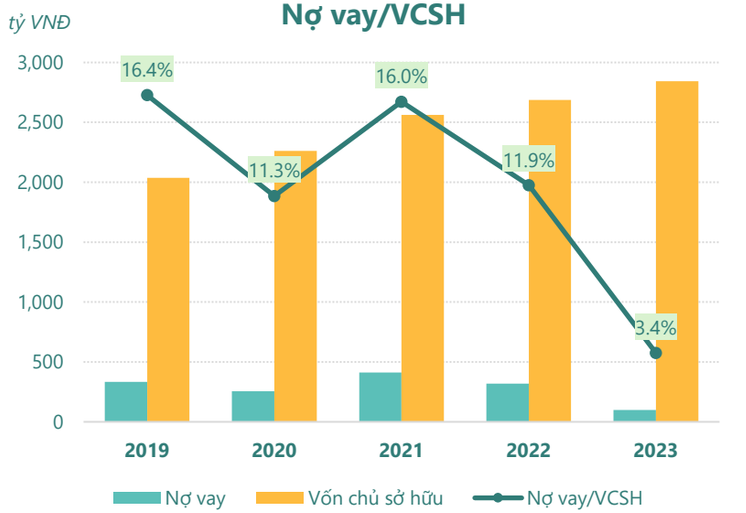
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

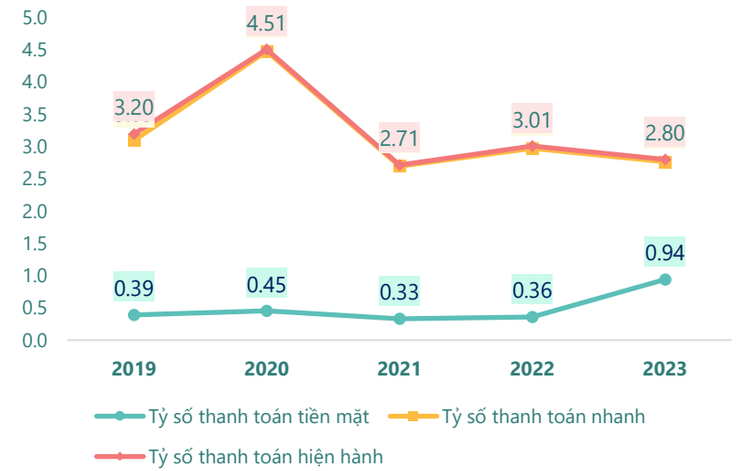
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



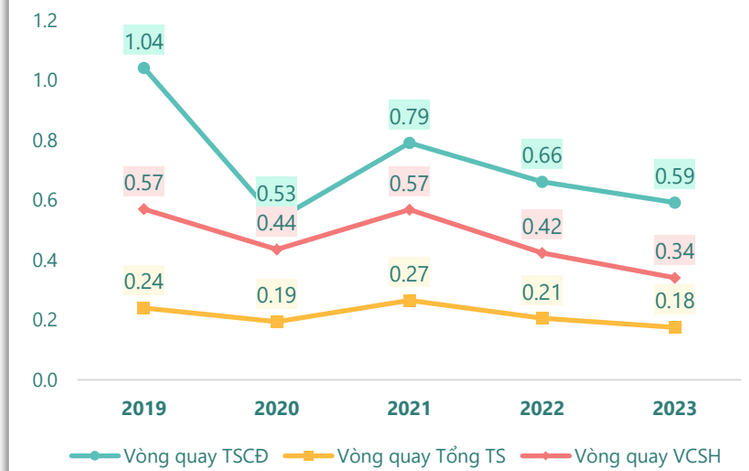
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



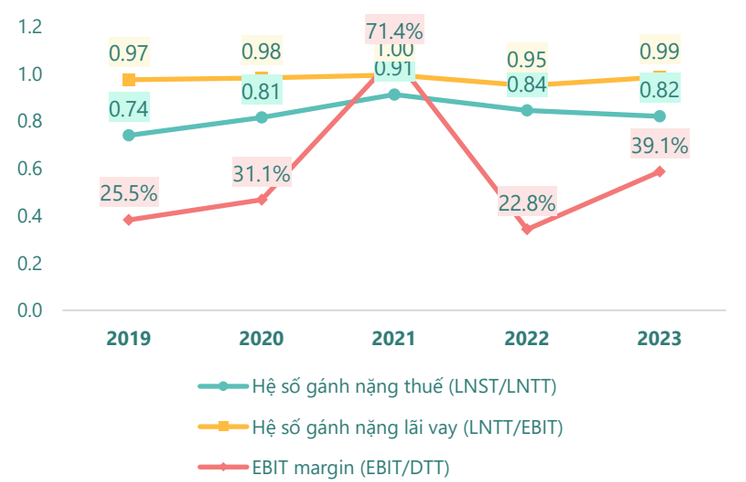
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



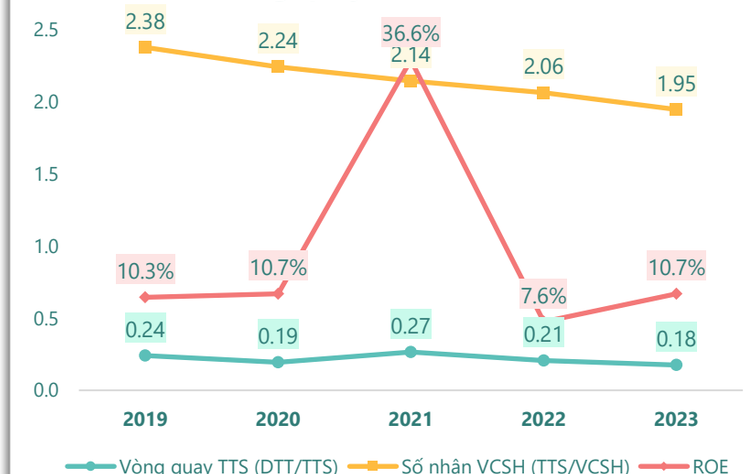
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



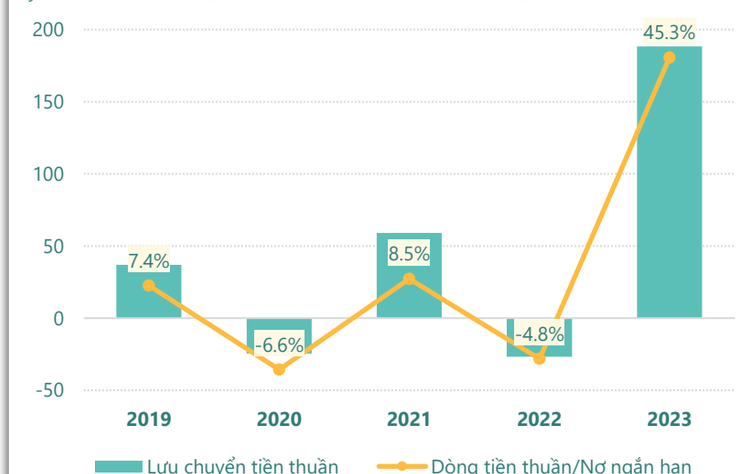
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**245**	**234**	**4.8%**	**814**	**673**	**20.8%**
Giá vốn hàng bán	211	157	34.2%	581	440	32.1%
Lợi nhuận gộp	34.6	76.6	-54.8%	233	234	-0.3%
Doanh thu HĐTC	11.8	11.2	5.4%	46.0	41.7	10.3%
Chi phí TC	1.13	5.37	-78.9%	3.18	16.2	-80.4%
Chi phí lãi vay	0.23	4.62	-95.0%	0.70	13.9	-95.0%
LN trong công ty LKLD	**36.4**	**13.8**	**164%**	**71.2**	**43.7**	**62.9%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**58.3**	**-21.2**	**375%**	**156**	**12.3**	**1169%**
LN thuần từ HĐKD	23.4	117	-80.0%	192	291	-34.1%
Lợi nhuận khác	**-0.37**	**1.17**	**-132%**	**-16.0**	**-6.64**	**-141%**
LN trước thuế	23.0	119	-80.6%	176	284	-38.2%
Lợi nhuận sau thuế	**6.55**	**94.1**	**-93.0%**	**128**	**227**	**-43.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.3**	**95.6**	**-88.2%**	**134**	**229**	**-41.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	193	208	75.9	-63.5	119	-3.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-195	-28.4	2.16	5.96	-38.9	56.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-85.7	-88.8	-136	-1.66	-14.0	-0.74
Tiền đầu kỳ	428	340	431	391	332	398
Lưu chuyển tiền thuần	**-87.5**	**90.8**	**-57.6**	**-59.2**	**66.4**	**51.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.08	0	0.11	0.03	0.11
Tiền cuối kỳ	340	431	374	332	398	450

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,461**	**5,367**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,385	1,162	19.1%
Tiền và tương đương tiền	450	391	15.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	324	252	28.6%
Phải thu ngắn hạn	422	320	32.0%
Hàng tồn kho	13.3	13.7	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	176	187	-5.9%
Tài sản dài hạn	**4,076**	**4,204**	**-3.0%**
Phải thu dài hạn	848	918	-7.6%
Tài sản cố định	1,479	1,547	-4.4%
Bất động sản đầu tư	172	176	-2.3%
Tài sản dở dang	352	413	-14.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,209	1,132	6.8%
Tài sản dài hạn khác	**16.4**	**18.3**	**-10.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,677	2,523	6.1%
Nợ ngắn hạn	**583**	**415**	**40.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.3	28.0	1.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	60.6	84.6	-28.4%
Nợ dài hạn	2,094	2,107	-0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	56.6	70.0	-19.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,784**	**2,844**	**-2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**2,784**	**2,844**	**-2.1%**
Vốn điều lệ	2,163	2,163	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)